

		EHS – MS – ES100118 Bản chỉnh sửa: 18 29/03/2019
	Yêu Cầu Chất Cấm Và Hạn Chế	Trang 1/18

1.0 Mục đích và phạm vi

Quy định này đưa ra các yêu cầu tuân thủ về các chất bị hạn chế theo Kế Hoạch Hệ Thống Quản Lý EHS của Stanley Black & Decker (SBD). Danh Mục Chất Hạn Chế áp dụng đối với tất cả các chất sử dụng trong quá trình sản xuất, các bộ phận, sản phẩm cung ứng, phụ tùng, và bao bì. Quy định này bao gồm cả trách nhiệm của SBD, yêu cầu của nhà cung cấp, các chất được kiểm soát và bị cấm, các chất cần khai cáo, tuyên bố tuân thủ, việc thẩm tra vật liệu để đảm bảo tuân thủ, yêu cầu giấy chứng nhận nguyên vật liệu thô và các chính sách ngoại lệ.

2.0 Phạm vi áp dụng

Quy định áp dụng đối với tất cả các nghiệp vụ và hoạt động kinh doanh của Stanley Black & Decker trên toàn thế giới bao gồm cả các hoạt động liên doanh, các hình thức hợp tác cùng các thỏa thuận kinh doanh khác mà Stanley Black & Decker giữ phần lớn quyền sở hữu, quyền kiểm soát bỏ phiếu, hoặc tại các nơi mà SBD đã đồng ý quản lý công ty theo hợp đồng. Các yêu cầu trong tiêu chuẩn này là các yêu cầu cơ bản chung cho tất cả các nghiệp vụ kinh doanh. Các nghiệp vụ kinh doanh cụ thể có thể bị hạn chế chặt chẽ hơn so với những yêu cầu chung này. Các yêu cầu pháp lý cũng có thể thay đổi tùy theo từng quốc gia mà Stanley Black & Decker có hoạt động. Quy định này phải được áp dụng ở mọi quốc gia bất kể các yêu cầu pháp lý ở từng nước có thể kém chặt chẽ hơn. Quy định này được xem xét và cải thiện trong các khoảng thời gian khác nhau dựa trên các luật định ban hành và nghiên cứu khoa học.

3.0 Định nghĩa

Phụ tùng – các chi tiết trung gian kết nối dụng cụ hoặc thiết bị điện với sản phẩm cần thao tác, ví dụ như đĩa mài, mũi khoan, mũi đục.

Vật phẩm – Một vật thể mà trong quá trình sản xuất đã được tạo hình, gia công bề mặt hoặc thiết kế theo cách riêng biệt, nhờ đó quyết định tính năng sản phẩm ở mức độ cao hơn so với các thành phần hóa học cấu thành. Ví dụ về các vật phẩm như xe ô tô, pin hoặc điện thoại.

Chất cấm – các chất không được phép thêm vào một cách chủ ý.

Pin/Ắc quy – bất kỳ nguồn năng lượng điện nào được tạo ra từ quá trình chuyển đổi trực tiếp năng lượng hóa học và bao gồm một hay nhiều pin sơ cấp (không thể sạc) hoặc một hay nhiều pin thứ cấp (có thể sạc).

Bộ pin – bất kỳ nhóm pin/ắc quy nào được kết nối với nhau và/hoặc cùng nằm trong một lớp vỏ bọc ngoài để tạo thành một đơn vị sản phẩm hoàn chỉnh mà người sử dụng cuối sẽ không chia nhỏ hoặc mở ra.

Pin cúc áo – bất kỳ loại pin/ ắc quy xách tay tròn nhỏ nào có đường kính lớn hơn chiều cao và được sử dụng cho các mục đích đặc biệt như trong máy trợ thính, đồng hồ đeo tay, các thiết bị cầm tay nhỏ và điện dự phòng.

Chất có kiểm soát – các chất bị giới hạn sử dụng dưới ngưỡng nồng độ nhất định.

Ngoại lệ – được sự đồng ý của Stanley Black & Decker cho phép sử dụng một chất nào đó không đáp ứng các yêu cầu trong Quy định này. Thuật ngữ riêng về ngoại lệ liên quan tới việc áp dụng và thời điểm sẽ thay đổi theo từng trường hợp. Chính sách về ngoại lệ có thể tìm thấy tại phần 8.0. Không có ngoại lệ đối với các yêu cầu về quy định quản lý.

Miễn áp dụng – được sự đồng ý của pháp luật cho phép sử dụng một chất không đáp ứng các yêu cầu trong Quy định này. Các trường hợp miễn áp dụng thường có điều kiện sử dụng riêng và sẽ thay đổi theo các luật định mới ra.

Dụng cụ kẹp – Các loại đinh và kẹp.

Ván ép gỗ cứng – một bảng gỗ tạo thành từ (A) các lớp gỗ cứng hoặc các chồng ván lạng (veneer) ghép với nhau hoặc (B) các lớp ván lạng kết hợp với một lớp nền gồm lõi gỗ, lõi tổng hợp, vật liệu lõi đặc biệt, hoặc vật liệu nền đặc biệt dính với nhau bởi keo dính. Ván lạng trên bề mặt có thể tạo thành từ gỗ cứng hoặc các loại gỗ mềm trang trí (ANSI/HPVA HP-1-2004). “Ván ép gỗ cứng” bao gồm các tấm ốp tường, tấm ốp công nghiệp, và tấm “ván ép gỗ cứng” dùng để ốp sàn. “Ván ép gỗ cứng” không bao gồm các sản phẩm cán mỏng, gỗ dán quân sự, hoặc ván ép cong.

Vật liệu đồng nhất – Loại vật liệu không thể bị tháo rời theo cách cơ học để thành các vật liệu khác nhau. Thuật ngữ “đồng nhất” được hiểu là “có cấu trúc tổng thể đồng bộ”, do đó ví dụ về các “vật liệu đồng nhất” gồm có các vật liệu riêng rẽ như nhựa, sứ, kính, kim loại, hợp kim, giấy, bìa, nhựa resin và chất phủ bề mặt. Cụm từ “tháo rời cơ học” có nghĩa là về cơ bản, vật liệu có thể bị chia tách bằng hoạt động cơ học như tháo vít, cắt, nghiền, nghiền hoặc các quá trình mài mòn. (Trích từ Hướng dẫn chính phủ về Quy định RoHS)

Vật liệu – Là vật phẩm dùng để cấu tạo lên các bộ phận? Vật liệu bao gồm một hoặc nhiều chất.

Tấm xơ ép tỉ trọng trung bình (MDF) – Một tấm gỗ từ các sợi xenlulo (thường là gỗ) được làm từ quá trình tạo khô và nén một tấm sợi gỗ có trộn keo (ANSI A208.2-2002).

Bao bì – Các vật liệu tạo thành vật có thể chứa đựng, bảo vệ, xử lý, vận chuyển và trình bày các sản phẩm của Stanley Black & Decker. Có hai loại bao bì với các yêu cầu khác nhau:

Bao bì tích hợp – tạo thành một phần trọn vẹn của sản phẩm, có tác dụng lưu trữ, hỗ trợ hoặc bảo quản sản phẩm trong toàn bộ vòng đời sử dụng và là nơi tất cả các thành phần (sản phẩm và bao bì) được người tiêu dùng sử dụng, tiêu thụ, hoặc vứt bỏ cùng lúc, ví dụ: Hộp đựng bộ dụng cụ.

Bao bì không tích hợp – bao bì sẽ bị vứt bỏ sau khi lấy ra sản phẩm.

Bộ phận – Bất kỳ chi tiết hoặc tổ hợp nào nằm trong các sản phẩm của Stanley Black & Decker. Một bộ phận có thể tạo thành từ một hoặc nhiều nguyên vật liệu.

Ván dăm – Một tấm ván chứa các vật liệu xenlulo (thường là gỗ) ở dạng hạt vụn riêng rẽ (khác với dạng sợi, vụn gỗ, hoặc phôi bào) được ép chặt với nhau cùng nhựa dính (ANSI A208.1-1999).

Pin/Ắc quy cầm tay – bất kỳ loại pin/ắc quy, pin cúc áo hay bộ pin nào được đóng kín, có thể cầm tay và không dùng cho các mục đích công nghiệp hoặc cho xe ô tô.

PCB – Polychlorinated Biphenyl

PPM – Viết tắt của một trên một triệu. Một đại lượng không có thứ nguyên thể hiện nồng độ của chất.

Các chất cần báo cáo – các chất hiện không bị cấm hoặc kiểm soát sử dụng nhưng có khả năng bị cấm hoặc nên chủ động loại bỏ. Nếu một chất cần báo cáo được sử dụng làm nguyên liệu cho bất kỳ bộ phận, sản phẩm cung ứng, phụ tùng hoặc bao bì nào trong quá trình sản xuất (dù chất đó không hiện diện ở thành phẩm), chi tiết về việc sử dụng chất đó cần được báo cáo lên Stanley Black & Decker.

Sản phẩm cung ứng – Thành phẩm được sản xuất bởi nhà cung cấp và mua lại bởi Stanley Black & Decker để phân phối trên thị trường toàn cầu.

Chất – “Chất” là một nguyên tố, hợp chất, hoặc polyme hóa học và có mã số CAS.

Chất phủ bề mặt – vật liệu tạo thành thêm chất tạo màu, dung môi, và các chất phụ gia khác, khi sử dụng lên bề mặt sản phẩm và để khô thì tạo ra lớp mỏng có chức năng nhất định và thường để trang trí. Các chất phủ bề mặt gồm có sơn, dầu phoi khô, vec ni, sơn phủ không màu tổng hợp và các sản phẩm khác có chức năng chính là để bảo vệ bề mặt vật thể khỏi các tác động của môi trường.

Tấm xơ ép tỉ trọng trung bình mỏng – là một tấm MDF có độ dày tối đa là 8 mm.

4.0 Trách nhiệm của Stanley Black & Decker

Stanley Black & Decker có trách nhiệm:

- Đảm bảo rằng dòng ghi chú “Tất cả các vật liệu phải tuân thủ theo ES100118” có mặt trên mọi bản vẽ kỹ thuật.
- Đảm bảo rằng mọi vật liệu sử dụng cho các thiết kế phải tuân thủ theo quy định này.
- Thông báo cho nhà cung cấp biết khi phát hiện ra vật liệu không tuân thủ.
- Thông báo cho nhà cung cấp khi nội dung Quy định có thay đổi.

5.0 Trách nhiệm của nhà cung cấp

Nhà cung cấp có trách nhiệm:

Số tham chiếu	Trách nhiệm của nhà cung cấp
SR-001	Tuân thủ theo các yêu cầu về chất hạn chế liệt kê trong phần 6.0 trên <u>mọi</u> sản phẩm (sản phẩm tồn tại, sản phẩm tương lai, và trên mọi thị trường) bán cho Stanley Black & Decker trừ khi có ngoại lệ được chấp thuận. Chính sách về ngoại lệ có thể tìm thấy tại phần 8.0.
SR-002	Khi nhà cung cấp giao sản phẩm loại thay thế có cùng thành phần và có khả năng thay đổi nguyên vật liệu thì trường hợp cô đặc xấu nhất phải được giả định khi báo cáo lại theo các yêu cầu của ES100118
SR-003	Chuyển tiếp các yêu cầu trong quy định này xuống các nhà cung cấp phụ của mình.
SR-004	Phản hồi lại các trường hợp không tuân thủ được phát hiện trong quá trình kiểm tra giám sát một cách kịp thời và cung cấp tài liệu khi được yêu cầu. Xem phần 7.0.
SR-005	Hoàn thành bản tuyên bố trực tuyến (Gensuit) đối với quy định này. Việc hoàn thành và nộp tuyên bố cho Stanley Black & Decker sẽ thiết lập bằng chứng rằng tất cả các thông tin đều chính xác và hoàn chỉnh. Tuyên bố này phải được ký bởi người được ủy quyền đại diện cho các nhà cung cấp.
SR-006	Báo cáo bất kỳ thay đổi nào về nguyên vật liệu của một bộ phận, sản phẩm cung ứng, phụ tùng hoặc bao bì đã được phê duyệt có thể ảnh hưởng đến sự chính xác của tuyên bố nói trên.

6.0 Yêu cầu chất hạn chế (bất kể thị trường mục tiêu của sản phẩm)

Bảng 1: Các chất cấm và kiểm soát

Mã tham chiếu	Chất (Số CAS)	Nhóm	Ngưỡng	Áp dụng với	Bản chính sửa # Thêm hoặc sửa	Nguồn gốc yêu cầu	Tiềm năng sử dụng
BC-001	Polychlorinated biphenyls (PCBs) (1336-36-3)	Cấm	Không chủ định thêm vào	Các bộ phận, sản phẩm cung ứng, phụ tùng, quy trình sản xuất và tất cả bao bì	0	Các quy định thị trường riêng (ví dụ. Chỉ thị châu Âu 76/769/EEC)	Chất làm mát và dung dịch cách điện cho các máy biến thế và tụ điện, chất hóa dẻo trong sơn hoặc xi măng, phụ gia ổn định trong các lớp phủ PVC linh hoạt của dây điện và linh kiện điện tử, dầu cắt, chất làm chậm cháy, dầu bôi trơn, chất lỏng thủy lực, chất trám, chất kết dính, sơn gỗ hoàn thiện, sơn, chất khử bụi, hợp chất chống nước, chất đúc, dung dịch máy hút bụi.
BC-002	Miăng và các hợp chất (1332-21-4 & khác)	Cấm	Không chủ định thêm vào	Các bộ phận, sản phẩm cung ứng, phụ tùng, quy trình sản xuất và tất cả bao bì	0	Các quy định thị trường riêng (ví dụ. Chỉ thị châu Âu 76/769/EEC)	Tường xây khô và hợp chất kết dính, vữa, bùn, trát phủ, chất dính, trét, miếng đệm, đóng gói, cách nhiệt ống nhiệt, phụ gia dung dịch khoan
BC-003	Các chất làm suy giảm ôzôn nhóm I và nhóm II (Khác nhau)	Cấm	Không chủ định thêm vào	Các bộ phận, sản phẩm cung ứng, phụ tùng, quy trình sản xuất và tất cả bao bì	0	Các quy định thị trường riêng xuất phát từ Nghị định thư Montreal Tham khảo danh mục các chất trên trang web: http://www.epa.gov/ozone/science/ods/index.html	Tủ lạnh và điều hòa, aerosol (sol khí), chất phun bột/xốp cách nhiệt cứng, bình cứu hỏa, khói xông trừ sâu/khử trùng đất, dung môi

BC-004	Chì (7439-92-1)	Có kiểm soát	1000 PPM	Các vật liệu đồng nhất trong bộ phận, sản phẩm cung ứng, phụ tùng, bao bì tích hợp	0	Chỉ thị hạn chế chất nguy hiểm của châu Âu (RoHS) 2011/65/EU Tham khảo các trường hợp miễn áp dụng trên trang web: http://www.rohs.gov.uk/content.aspx?id=15	Sơn và chất tạo màu, chất ổn định trong cáp PVC (vinyl) (như dây nguồn, cáp USB), chất hàn, sơn phủ hoàn thiện bảng mạch in, chì, liên kết trong và ngoài, kính trong các thiết bị truyền hình và chụp ảnh (như màn hình CRT và ống kính máy ảnh), các bộ phận kim loại, đèn và bóng đèn, pin
BC-004a			600 PPM	Chất phủ bề mặt	1	Yêu cầu công ty SB&D	
BC-005	Thủy ngân (7439-97-6)	Có kiểm soát	1000 PPM	Các vật liệu đồng nhất trong bộ phận, sản phẩm cung ứng, phụ tùng, bao bì tích hợp	0	Chỉ thị hạn chế chất nguy hiểm của châu Âu (RoHS) 2011/65/EU Tham khảo các trường hợp miễn áp dụng trên trang web: http://www.rohs.gov.uk/content.aspx?id=15	Ứng dụng chiếu sáng, công tắc ô tô, pin
BC-005a			5 PPM	Pin/Ắc quy	8	Chỉ thị về pin của châu Âu 2006/66/EC & 2013/56/EU Luật pháp Hoa Kỳ: Maine , Connecticut , Rhode Island , Louisiana Brazil – Conama 401/08	
BC-006	Cadmium (7440-43-9)	Có kiểm soát	100 PPM	Các vật liệu đồng nhất trong bộ phận, sản phẩm cung ứng, phụ tùng, bao bì tích hợp	0	Chỉ thị hạn chế chất nguy hiểm của châu Âu (RoHS) 2011/65/EU Tham khảo các trường hợp miễn áp dụng trên trang web: http://www.rohs.gov.uk/content.aspx?id=15	Sơn và chất tạo màu, chất ổn định trong cáp PVC (vinyl) (như dây nguồn, cáp USB), chất hàn, sơn phủ hoàn thiện bảng mạch in, chì, liên kết trong và ngoài, kính trong các thiết bị truyền hình và chụp ảnh (như màn hình CRT và ống kính máy ảnh), các bộ phận kim loại, đèn và bóng đèn, pin
BC-006a			20 PPM	Pin/Ắc quy xách tay	8	Chỉ thị về pin của châu Âu 2006/66/EC & 2013/56/EU Miễn áp dụng: Yêu cầu này không áp dụng với các hệ thống cấp cứu và báo động bao gồm đèn cấp cứu, thiết bị y tế hay các dụng cụ điện không dây. Brazil – Conama 401-08	

BC-007	Crom hóa trị 6 (Hexavalent Chromium) (18540-29-9)	Có kiểm soát	1000 PPM	Các vật liệu đồng nhất trong bộ phận, sản phẩm cung ứng, phụ tùng, bao bì tích hợp	0	Chỉ thị hạn chế chất nguy hiểm của châu Âu (RoHS) 2011/65/EU Tham khảo các trường hợp miễn áp dụng trên trang web: http://www.rohs.gov.uk/content.aspx?id=15	Phủ kim loại chống ăn mòn
BC-007a			Có phát hiện/ Không phát hiện (Xem phần 7.0)	Phủ crom bề mặt	4	Yêu cầu công ty SB&D	
BC-008	Tổng hợp chì, thủy ngân, cadmium và crom hóa trị 6	Có kiểm soát	100 PPM	Bao bì không tích hợp, các chốt giữ	6	Chỉ thị về đóng bao bì của châu Âu 94/62/EU và Luật Hoa Kỳ (Các chốt giữ thường chứa trong bao bì)	Sơn và chất tạo màu dùng trong bao bì
BC-009	Chất làm chậm cháy Polybrominated biphenyl (PBB)	Có kiểm soát	1000 PPM	Các vật liệu đồng nhất trong bộ phận, sản phẩm cung ứng, phụ tùng, bao bì tích hợp	0	Chỉ thị hạn chế chất nguy hiểm của châu Âu (RoHS) 2011/65/EU Các chất làm chậm cháy PBB bị hạn chế trong phần này bao gồm cả các chất liệt kê trong Phụ lục A. Tham khảo các trường hợp miễn áp dụng trên trang web: http://www.rohs.gov.uk/content.aspx?id=15	Chất làm chậm cháy trong nhựa
BC-010	Chất làm chậm cháy Polybrominated diphenyl ether (PBDE)	Có kiểm soát	1000 PPM	Các vật liệu đồng nhất trong bộ phận, sản phẩm cung ứng, phụ tùng, bao bì tích hợp	0	Chỉ thị hạn chế chất nguy hiểm của châu Âu (RoHS) 2011/65/EU Các chất làm chậm cháy PBDE bị hạn chế trong phần này bao gồm cả các chất liệt kê trong Phụ lục A. Tham khảo các trường hợp miễn áp dụng trên trang web: http://www.rohs.gov.uk/content.aspx?id=15	Chất làm chậm cháy trong nhựa

BC-012	Polyaromatic Hydrocarbons (PAHs)	Có kiểm soát	1 PPM Xem phụ lục B để tham khảo bảng PAH và các giá trị giới hạn	Các bộ phận, sản phẩm cung ứng, phụ tùng, tất cả bao bì	14	REACH châu Âu Phụ lục XV Các yêu cầu GS Mark Đức – Nếu nhà cung cấp không nắm rõ về ứng dụng cuối cùng của sản phẩm, họ cần tuân theo các yêu cầu chặt chẽ hơn dưới đây.	Cao su và nhựa
BC-013	Perfluorooctane Sulfonates (PFOS) (1763-23-1)	Có kiểm soát	50 PPM cho các chất	Các bộ phận, sản phẩm cung ứng, phụ tùng, tất cả bao bì	7	Chỉ thị châu Âu 2006/122/EC	Chất chống dơ (Có thể là nhãn mác)
BC-013a			1000 PPM đối với các loại bán thành phẩm				
BC-014	Dimethylfumarate (DMF) (624-49-7)	Có kiểm soát	1 PPM	Các bộ phận, sản phẩm cung ứng, phụ tùng, tất cả bao bì	8	Chỉ thị châu Âu 2009/251/EC	Chất làm khô
BC-015	Phát thải Formaldehyde (50-00-0)	Có kiểm soát	0,05 PPM	Lõi ván lạng ép gỗ cứng	8	93120-93120.12, mục 17, Bộ luật quy định California TSCA Mục VI Dựa trên phương pháp kiểm tra sơ cấp [ASTM E 1333-96 (2002)] Miễn áp dụng với bao bì.	Mặt bàn của các sản phẩm đặt tại chỗ
BC-015a			0,05 PPM	Lõi tổng hợp ván ép gỗ cứng	8		
BC-015b			0,09 PPM	Ván gỗ xơ ép	8		
BC-015c			0,11 PPM	Ván xơ ép tỉ trọng trung bình MDF	8		
BC-015d			0,13 PPM	Ván xơ ép tỉ trọng trung bình mỏng	8		
BC-016	Chromium Trioxide (1333-82-0)	Có kiểm soát	1000 PPM	Các vật liệu đồng nhất trong bộ phận, sản phẩm cung ứng, phụ tùng, bao bì tích hợp. Hoạt động sản xuất tại châu Âu	15	Quy định REACH châu Âu 1907/2006/EC hết hiệu lực ngày 21 tháng 9 năm 2017	Phủ kim loại chống ăn mòn.

BC-017	Tetrachloroethene, (perchloroethylene, <u>Cacbon tetrachlorua</u> , <u>A-xít clohidric</u> và <u>hexachlorobutadiene</u>)	Có kiểm soát	(-)	Các bộ phận, sản phẩm cung ứng, phụ tùng, quy trình sản xuất và tất cả bao bì	0	Chất hạn chế của SBD	Dung môi và chất tẩy nhờn cho các bộ phận kim loại
BC-018	Methylene Chloride (dichloromethane)	Có kiểm soát	(-)	Các bộ phận, sản phẩm cung ứng, phụ tùng, quy trình sản xuất và tất cả bao bì	0	Chất hạn chế của SBD	Dung môi và chất tẩy nhờn cho các bộ phận kim loại

Bảng 2: Các chất cần báo cáo

Mã tham chiếu	Nhóm chất	Bản chính sửa # Có thêm vào	Nguồn gốc yêu cầu
RS-001	REACH Các hóa chất rất đáng quan ngại (SVHC)	8-12	EU REACH (EC 1907/2006) Các hóa chất rất đáng quan ngại Có thể tham khảo danh mục các chất và tài liệu hỗ trợ tại: https://echa.europa.eu/candidate-list-table
RS-002	Đạo luật thực thi nước uống an toàn và chất độc California năm 1986	1-13	Đề xuất 65: Đạo luật thực thi nước uống an toàn và chất độc năm 1986. <u>Danh mục hóa chất nằm trong quy định Dự luật 65</u> Các nhà cung cấp nên thông báo cho Stanley Black & Decker nếu bộ phận hoặc phụ tùng mà họ cung cấp khi được bán riêng có thể dẫn đến việc tiếp xúc cần cảnh báo của Dự luật 65. Các nhà cung cấp sản phẩm cung ứng nên đánh giá sản phẩm và dán nhãn tương ứng. Danh mục các chất trong Dự luật 65 có thể tìm thấy tại http://oehha.ca.gov/proposition-65/proposition-65-list <u>Danh mục Dự luật 65 có vô số các chất hóa học, hầu hết đều không có mặt trong các mặt hàng đã mua để tạo thành sản phẩm SBD. Các chất liệt kê bên dưới đã tìm thấy trong các sản phẩm trước đây và do đó chúng tôi đã liệt kê chi tiết từng chất cùng giới hạn nồng độ PPM cho phép. Việc vượt qua các ngưỡng này đòi hỏi phải báo cáo “Có” trong câu hỏi liên quan.</u> Chì trong Cordset – 300 PPM Chì trong phần bọc PVC của các dụng cụ cầm tay – 200 PPM Chì trong phụ tùng đồng thau (ví dụ van máy nén) – 300 PPM Di(2-ethylhexyl)phthalate (DEHP) (117-81-7) – 1000 PPM Diisodecyl phthalate (DIDP) (26761-40-0) – 1000 PPM Diisononyl phthalate (DINP) (68515-48-0) – 1000 PPM Di-n-butyl phthalate (DBP) (84-74-2) – 1000 PPM Di-n-hexyl phthalate (DnHP) (84-75-3) – 1000 PPM Butyl benzyl phthalate (BBP) (85-68-7) – 1000 PPM Báo cáo thử nghiệm của bên thứ ba cho thấy việc vấn đề tuân thủ giới hạn phthalate là bắt buộc đối với túi nhựa vinyl

RS-003	Chỉ thị hạn chế chất nguy hiểm của châu Âu (RoHS) 2011/65/EU	15	Lưu ý bổ sung thêm 4 chất bị hạn chế từ ngày 22 tháng 7 năm 2019. Di(2-ethylhexyl)phthalate (DEHP) (117-81-7) – 1000 PPM Butyl benzyl phthalate (BBP) (85-68-7) – 1000 PPM Di-n-butyl phthalate (DBP) (84-74-2) – 1000 PPM DIBP – Diisobutyl Phthalate (84-69-5) – 1000 ppm Hạn chế DEHP, BBP, DBP và DIBP sẽ áp dụng với các thiết bị y tế, bao gồm thiết bị y tế trong ống nghiệm và các thiết bị theo dõi, kiểm soát từ ngày 22 tháng 7 năm 2021. Tham khảo thêm tại http://ec.europa.eu/environment/waste/rohs_eee/legis_en.htm
RS-004	Di-n-octyl Phthalate (DnOP) (117-84-0)	15	Quan ngại về phthalate có liên quan đến quy định về phthalate trong các sản phẩm dành cho trẻ em. Tham khảo thêm tại https://www.cpsc.gov/Business—Manufacturing/Business-Education/Business-Guidance/Phthalates-Information
RS-005	Thành phần Polyvinyl Chloride	17	Lo ngại của khách hàng
RS-006	Chất làm chậm cháy có chứa brom, clo hoặc phốt pho	17	Luật Thụy Điển liên quan đến thuế áp dụng cho các hóa chất chứa trong một số mặt hàng điện tử, SFS2016: 1067. Áp dụng với các bảng mạch in (không gồm linh kiện trên bảng) và các phần nhựa lớn hơn 25g. Các hợp chất brom, clo và phốt pho cụ thể theo quy định có thể tìm tại đây: http://rkrattsdb.gov.se/SFSdoc/16/161067.PDF
RS-007	Latex	18	Quan ngại về chất gây dị ứng đối với các phẩm chăm sóc sức khỏe của STANLEY
RS-008	Kền (Niken)	18	Quan ngại về chất gây dị ứng đối với các phẩm chăm sóc sức khỏe của STANLEY

Bảng 3: Tuyên bố tuân thủ

Mã tham chiếu	Chủ đề	Tuyên bố tuân thủ
SC-001	Vật liệu phóng xạ	Các sản phẩm, bộ phận và phụ tùng cung cấp cho Stanley Black & Decker không phát xạ trên mức nền.
SC-002	Lông động vật	Các sản phẩm, bộ phận và phụ tùng cung cấp cho Stanley Black & Decker không chứa lông động vật.
SC-003	Sản phẩm gỗ	Để đáp ứng yêu cầu của Quy định gỗ 995/2010 của châu Âu, các sản phẩm, bộ phận và phụ tùng cung cấp cho Stanley Black & Decker có chứa gỗ (ngoài bao bì và giấy) phải có “giấy chứng nhận khai thác” hợp pháp có thể đưa ra khi yêu cầu.
SC-004	Khoáng chất xung đột	Để đáp ứng các yêu cầu của đạo luật Dodd Frank Hoa Kỳ, phần 1502, các sản phẩm, bộ phận và phụ tùng cung cấp cho Stanley Black & Decker không được chứa các khoáng chất xung đột (Columbite-tantalite, Cassiterite, Wolframite, và vàng), trực tiếp hay gián tiếp tài trợ hoặc giúp ích cho các nhóm vũ trang ở Cộng hòa dân chủ Congo hoặc quốc gia tiếp giáp. Điều này cũng được xác minh thông qua các hình thức truyền đạt riêng biệt khác dùng bảng EiCC / GeSI.

7.0 Thẩm tra giám sát

Các đơn vị kinh doanh thuộc Stanley Black & Decker cần có kết quả kiểm tra để đảm bảo rằng các vật liệu sử dụng có tuân theo quy định này. Mỗi đơn vị kinh doanh xác định quy trình thẩm tra riêng tùy theo các chất mà họ tin là có nguy cơ vi phạm tuân thủ cao nhất. Phần này mô tả việc giám sát do doanh nghiệp thực hiện.

7.1 Công ty kinh doanh dụng cụ và trang thiết bị điện

Công ty kinh doanh dụng cụ và trang thiết bị điện phải tiến hành thẩm tra đối với các chất RoHS có trong ES100118. Nếu một vật liệu không vượt qua bài thẩm tra nội bộ, vật liệu đó sẽ nhận được một trong bốn đánh giá dưới đây trong bản báo cáo kết quả và có thể cần có hành động phản hồi từ phía nhà cung cấp.

- 1) “Không đạt” – đòi hỏi Hành động khắc phục từ nhà cung cấp
 - Kiểm tra phân tích phát hiện ra chất hạn chế trong vật liệu
 - Nhà cung cấp có trách nhiệm giải thích về sự có mặt của chất hạn chế và nộp lên bản trình bày Hành động khắc phục cùng kế hoạch/thời gian triển khai
 - Hàng tồn kho phải được thẩm tra/tách riêng giữa vật liệu tuân thủ/không tuân thủ
- 2) “Có khả năng không đạt” – thường do hàm lượng brom
 - Brom không phải là chất bị hạn chế, các chất PBB/PBDE thì có bị hạn chế
 - Nhà cung cấp phải nộp các thông tin vật liệu nhựa dẻo resin cụ thể (nhà sản xuất, tên thương mại, phân hạng và màu sắc) cùng lá thư tuân thủ ROHS từ nhà sản xuất nhựa dẻo – KHÔNG PHẢI từ nhà cung cấp bộ phận
 - Kỹ thuật vật liệu sẽ xác định liệu có cần thêm các kết quả phòng thí nghiệm/kiểm tra từ bên ngoài qua GC/MS
- 3) “Miễn áp dụng”
 - Mạ cadmium trên các đầu nối điện được miễn áp dụng cho tới khi có lựa chọn thay thế khả thi
 - Các bộ phận sẽ được liệt kê là “miễn áp dụng” trên báo cáo thẩm tra, không cần hành động phản hồi từ phía nhà cung cấp
- 4) “Cần thêm mẫu bổ sung”

Stanley Black & Decker yêu cầu kích cỡ mẫu tối thiểu trong kiểm tra Crom hóa trị 6 là 10g. Nhà cung cấp cần đưa ra 10g bộ phận cần kiểm tra.

Lưu ý: Các mẫu sẽ được kiểm tra bằng phương pháp chiết nước nóng. Crom hóa trị 6 sẽ được báo cáo là “Có” hoặc “Không có” trong đó giới hạn phát hiện đơn vị UV dùng chất phản ứng diphenylcarbazine là 0,25 ppm trong 10ml dung dịch chiết. Mọi thay đổi rõ ràng về màu sắc (đỏ/tím) đều biểu thị sự có mặt của Crom hóa trị 6 và được báo cáo là “Có”. Bất kỳ mẫu kiểm tra nào phát hiện “Có” crom hóa trị 6 đều được coi là không đạt.

Tất cả các nhà cung cấp sản phẩm cung ứng đều phải cung cấp cho Stanley Black & Decker các thông tin BOM (bảng kê nguyên vật liệu) sau đây để thực hiện việc kiểm tra giám sát cần thiết:

- Số bộ phận
- Mô tả bộ phận
- Vật liệu và lớp bao phủ
- Biểu đồ chi tiết rời tham chiếu số bộ phận

Nếu nhà cung cấp sản phẩm cung ứng từ chối cung cấp các thông tin này, họ **phải** đưa sản phẩm của mình tới phòng thí nghiệm của một bên thứ ba và cung cấp kết quả đạt yêu cầu.

Các yêu cầu giấy chứng nhận nguyên vật liệu thô

Tất cả các nhà cung cấp phụ trách những bộ phận có nguy cơ cao đều phải có giấy chứng nhận nguyên vật liệu.

Các bộ phận có nguy cơ cao được xác định là:

- Bộ phận có sơn – chỉ cần giấy chứng nhận về sơn
- Bộ phận mạ kẽm – giấy chứng nhận nguyên vật liệu đối với lớp phủ mạ kẽm – hóa trị 6 hoặc hóa trị 3
- Bộ phận nhựa
- Bộ phận điện – giấy chứng nhận nguyên vật liệu đối với chất hàn, chất phủ đầu cực, vỏ bọc, công tắc và rơ le
- Cord set – chỉ cần giấy chứng nhận cho các phần không phải kim loại – vỏ bọc, đầu cắm
- Dây chì – chỉ cần giấy chứng nhận cho các phần không phải kim loại – vỏ bọc
- Bộ phận cao su
- Đúc kẽm – chỉ cần giấy chứng nhận nguyên vật liệu đối với lớp phủ mạ kẽm – hóa trị 6 hoặc hóa trị 3

Ví dụ về các nguyên vật liệu/bộ phận nguy cơ cao được liệt kê dưới đây:

- PVC (cadmium và chì làm chất ổn định và nhuộm màu. Phthalates làm chất hóa dẻo)
- Bộ phận nhựa (PBDE và PDB làm chất làm chậm cháy)
- Nhựa đỏ/cam/vàng (cadmium, chì và chrom VI trong crom chì, chất nhuộm màu)
- Vỏ mạ kim loại, chốt giữ, kẹp và ốc vít ([Crom hóa trị 6](#) làm chất mạ cuối)
- Bảng mạch in PWB gắn linh kiện và các bộ phận (chì làm chất hàn và chất phủ đầu cực)
- Công tắc, rơ le (chì làm bộ phận cấu tạo công tắc/ rơ le)
- Hàn chì dùng bên trong các bộ phận cấu tạo
- Sơn (cadmium và chì)
- Đúc kẽm ([Crom hóa trị 6](#) làm chất phủ crom)

Giấy chứng nhận nguyên vật liệu thô phải được cung cấp từ nhà cung cấp nguyên vật liệu thô trong giai đoạn đầu kiểm tra và tải lên hệ thống Gensuite với số bộ phận tương ứng. Nếu có thay đổi nguyên vật liệu thô theo thời gian, cần phải cung cấp cho Stanley Black & Decker các giấy chứng nhận mới. Ví dụ về các giấy chứng nhận nguyên vật liệu thô phù hợp có thể tìm thấy trong Phụ lục C. Giấy chứng nhận nguyên vật liệu phải có tối thiểu các thông tin sau:

- Nhà sản xuất
- Tên thương mại
- Phân hạng
- Màu
- Số lô
- Ngày sản xuất

7.2 Công ty kinh doanh dụng cụ cầm tay và lưu trữ

Công ty kinh doanh dụng cụ cầm tay cần yêu cầu kết quả kiểm tra đối với các chất liệt kê dưới đây để làm bằng chứng tuân thủ ES100118. Kết quả kiểm tra có thể đưa ra từ phòng thí nghiệm của Stanley Black & Decker, phòng thí nghiệm của nhà cung cấp hoặc phòng thí nghiệm của bên thứ ba. Kết quả kiểm tra đạt yêu cầu phải được tải lên hệ thống Gensuite với số bộ phận tương ứng. Các chi tiết khác về yêu cầu vật liệu hạn chế và giới hạn kiểm tra có thể tìm thấy trong Quy định CS4402.

- Kim loại nặng (chì, cadmium, thủy ngân, crom hóa trị 6) trong các bộ phận và bao bì
- Polybrominated biphenyls và Polybrominated diphenyl ethers trong nhựa
- Polycyclic Aromatic Hydrocarbons (PAH) trong nhựa và cao su
- Phthalates trong nhựa

7.3 Công ty thiết kế fastener Helicoil, Spirallock và Nelson

- Crom hóa trị 6 được phép sử dụng làm chất phủ bảo vệ trên các, bên cạnh Cadmium. Không cần kiểm định hay thẩm tra.

8.0 Chính sách ngoại lệ

Với bất kỳ nguyên vật liệu nào không đáp ứng các yêu cầu trong quy định này, nhà cung cấp có thể nộp một đơn xét duyệt ngoại lệ lên Ủy ban vật liệu hạn chế bằng cách cung cấp các thông tin sau cho đại diện cung ứng Stanley Black & Decker của mình.

- a) Thông tin nhà cung cấp (tên, địa chỉ, địa chỉ liên lạc,...)
- b) Số bộ phận và mô tả
- c) Báo cáo từ một phòng thí nghiệm độc lập được công nhận hoặc phòng thí nghiệm của Stanley Black & Decker xác định rõ hàm lượng chất hạn chế
- d) Chi tiết về nơi tìm thấy chất hạn chế và đặc tính hoặc chức năng của chất.
- e) Chi tiết về vật liệu thay thế bao gồm các tác động có thể xảy ra từ việc sử dụng chúng, các quy trình khác biệt, giảm thiểu trong chất lượng hay độ bền sản phẩm,...

Ủy ban sẽ xem xét yêu cầu và phản hồi lại bằng việc chấp thuận ngoại lệ hoặc từ chối, đồng thời đưa ra các gợi ý cho việc tuân thủ. **Các ngoại lệ sẽ không được chấp thuận khi có yêu cầu quy định để đáp ứng một giới hạn cụ thể.**

Một bản ghi chép tất cả các ngoại lệ đã được chấp thuận có thể tìm thấy trong EP154 – Kế hoạch mẫu vật liệu bị hạn chế.

Phụ lục A – Các chất làm chậm cháy brom hóa chính

Polybrominated Biphenyls (PBBs)	Mã đăng ký hóa chất CAS #
Bromobiphenyl	2052-07-05, 2113-57-7, 92-66-0
Decabromobiphenyl	13654-09-06
Dibromobiphenyl	92-86-4
Heptabromobiphenyl	59080-40-9, 36355-01-8(hexabromo-1,1'-biphenyl, 67774-32-7 (Firemaster FF-1)
Hexabromobiphenyl	59080-40-9, 36355-01-8,
Nonabromobiphenyl	27753-52-2
Octabromobiphenyl	61288-13-9
Pentabromobiphenyl	67888-96-18
Polybrominated Biphenyl	59536-65-1
Tetrabromobiphenyl	60044-24-8
Tribromobiphenyl	Không có số liệu

Polybrominated Diphenyl Ethers (PBDEs)	Mã đăng ký hóa chất CAS #
Bromodiphenyl Ether	101-55-3
Decabromodiphenyl Ether	1163-19-5
Dibromodiphenyl Ether	2050-47-7
Heptabromodiphenyl Ether	68928-80-3
Hexabromodiphenyl Ether	36483-60-0
Nonabromodiphenyl Ether	63936-56-1
Octabromodiphenyl Ether	32536-52-0
Pentabromodiphenyl Ether	32534-81-9
Tetrabromodiphenyl Ether	40088-47-9
Tribromodiphenyl Ether	49690-94-0

Phụ lục B – Polyaromatic Hydrocarbons (PAHs)

Parameter (mg/kg)	Category 1	Category 2		Category 3	
	Materials intended to be put into the mouth or materials of toy for children with long term intended skin contact (longer than 30 s)	Materials not covered by category 1, with foreseeable long term skin contact (longer than 30 s) or repeated short-term skin contact		Materials not covered by category 1 or 2, with foreseeable short term skin contact (shorter than 30 s)	
		Toys according to 2009/48/EC	Other products according to ProdSG	Toys according to 2009/48/EC	Other products according to ProdSG
Benzo[a]pyrene	<0.2	<0.2	<0.5	<0.5	<1
Benzo[e]pyrene	<0.2	<0.2	<0.5	<0.5	<1
Benzo[a]anthracene	<0.2	<0.2	<0.5	<0.5	<1
Benzo[b]fluoranthene	<0.2	<0.2	<0.5	<0.5	<1
Benzo[j]fluoranthene	<0.2	<0.2	<0.5	<0.5	<1
Benzo[k]fluoranthene	<0.2	<0.2	<0.5	<0.5	<1
Chrysene	<0.2	<0.2	<0.5	<0.5	<1
Dibenzo[a,h]anthracene	<0.2	<0.2	<0.5	<0.5	<1
Benzo[g,h,i]perylene	<0.2	<0.2	<0.5	<0.5	<1
Indeno[1,2,3-c,d]pyrene	<0.2	<0.2	<0.5	<0.5	<1
Acenaphthylene, Acenaphthene, Fluorene, Phenanthrene, Pyrene, Anthracene, Fluorathene	<1 (sum)	<5 (sum)	<10 (sum)	<20 (sum)	<50 (sum)
Naphthalene	<1	<2		<10	
Sum of 18 PAH	<1	<5	<10	<20	

Phụ lục C – Ví dụ giấy chứng nhận nguyên vật liệu



品質證明書 TEST CERTIFICATE

中國鋼鐵股份有限公司
CHINA STEEL CORPORATION
中華民國高雄縣小港區中興路1號
1 CHUNG KANG ROAD HSIAO KANG, KAOHSIUNG(812),
TAIWAN, REPUBLIC OF CHINA.
TEL: (07)802-1111 FAX: (07)802-2511 (07)801-9427

2006年12月19日 9時35分 Tai Hao Steel CO., LTD.

客戶名稱 SOLD TO 泰豪鋼鐵股份有限公司 TAI HAO STEEL MATERIAL CO., LTD.		產品名稱 PRODUCT CR SHEET-COIL	
規格名稱 SPEC JIS G3311 S50CM MOD. OILED RESTRICTED HARDNESS HRB: 85/95 R-25		發票號碼 INVOICE NO. ZY74432758	證明書編號 CERTIFICATE NO. 930519F0126
品質 QMS R-25		客戶編號 CSC ORDER NO. B248A982	中鋼訂單編號 LC4947E
送貨日期 SHIPPING DATE MAY. 18, 2004		證明書日期 T/C ISSUE DATE MAY. 19, 2004	
檢驗 INSPECTION QMS IN-HOUSE INSPECTION		客戶訂單編號 CSC ORDER NO.	
項目 ITEM NO.		化學成份 CHEMICAL ANALYSIS %	
產品序號 PRODUCT NO.		C Mn P S Si Cu Ni Cr Mo	
厚度 THICK MM		1. 2. 3. 4. 5. 6. 7. 8. 9. 10. 11. 12. 13. 14. 15. 16. 17. 18. 19. 20. 21. 22. 23. 24. 25. 26. 27. 28. 29. 30. 31. 32. 33. 34. 35. 36. 37. 38. 39. 40. 41. 42. 43. 44. 45. 46. 47. 48. 49. 50. 51. 52. 53. 54. 55. 56. 57. 58. 59. 60. 61. 62. 63. 64. 65. 66. 67. 68. 69. 70. 71. 72. 73. 74. 75. 76. 77. 78. 79. 80. 81. 82. 83. 84. 85. 86. 87. 88. 89. 90. 91. 92. 93. 94. 95. 96. 97. 98. 99. 100.	
尺寸及規格 MATERIAL DESCRIPTION 厚度 寬度 長度 重量 THICK WIDTH LENGTH WEIGHT MM MM MM KGS		爐號 鋼捲號碼 試片編號 HEAT NO. COIL NO. SAMPLE ID.	
SPECIFICATION		拉伸試驗 TENSILE TEST Y.S. T.S. EL.	
001 FA09828 0.80 914 COIL 10.9853J433 A54638 A54638		硬度 HARDNESS HRB	
TOTAL: 10.985		5/9	
*05 硬度試驗 HARDNESS TEST		NC = NI + CR	
SURVEYOR TO		茲證明本表所列產品，均依材料規格製造及試驗，並符合規格之要求。 WE HEREBY CERTIFY THAT MATERIAL DESCRIBED HEREIN HAS BEEN MANUFACTURED AND TESTED WITH SATISFACTORY RESULTS IN ACCORDANCE WITH THE REQUIREMENT OF THE ABOVE MATERIAL SPECIFICATION.	
Y.C. Huang for		冶金技術處處長 GENERAL MANAGER, METALLURGICAL DEPARTMENT	

BASF Corporation

Certificate of Analysis



Customer: BLACK & DECKER MY-035 701 EAST JOPPA ROAD TOWSON MD 21286		Product Number : 53675154 Product Name : CM_B3ZG6 GY7639 25kg 5H4 V Vehicle : Batch/Lot : 0101891528 Manuf.Date : 08/23/2006	
Attention: FAX: Cust Prod: Cust Prod Name: Cust P.O.:		Shipped Date : Shipped Quantity : 50.000 KG Delivery Date : 08/30/2006 Order Number : 1392250232 Delivery Note : 2093113362	
SAMPLE-ATTN:LESLIE B			
Characteristic	Result	UOM	-----Specification----- Minimum Maximum Test Method
Ash Content	30.02	%	28.00 32.00 ASTM 5630
Moisture Content	0.06	%	0.20 ASTM D789
MFR 235/5	10.4	dg/min	5.0 15.0 D1238

Ghi số:

LỊCH SỬ CHỈNH SỬA			
BẢN CHỈNH SỬA	NGÀY	MÔ TẢ THAY ĐỔI	TÊN
0	Ngày 6 tháng 10 năm 2005	Quy định đầu tiên. Bao gồm việc cấm sử dụng Polychlorinated biphenyls, Miếng và các chất làm suy giảm Ôzôn cùng hạn chế sử dụng các chất RoHS.	Dan Fitzgerald
1	Ngày 6 tháng 1 năm 2006	Thêm yêu cầu 600 ppm đối với chì trong chất phủ bề mặt. Đồng thời yêu cầu tất cả các bản vẽ kỹ thuật phải chứa dòng ghi chú "Tất cả các vật liệu phải tuân thủ theo ES100118."	Colin Thirlaway
2	Ngày 22 tháng 8 năm 2006	Thêm giới hạn đối với Polyaromatic Hydrocarbons (PAHs)	Colin Thirlaway
3	Ngày 10 tháng 10 năm 2006	Làm rõ phạm vi áp dụng bao gồm cả sản phẩm cung ứng. Cập nhật giá trị giới hạn đối với PAH.	Colin Thirlaway
4	Ngày 7 tháng 3 năm 2007	Làm rõ hạn chế đối với crom hóa trị 6 trong chất phủ crom. Cập nhật giá trị giới hạn đối với PAH. Bao gồm chi tiết về phản hồi cần thiết của nhà cung cấp đối với Black & Decker trước kết quả thẩm tra.	Colin Thirlaway
5	Ngày 31 tháng 7 năm 2007	Thêm yêu cầu rằng tất cả các bộ phận cấu thành trên mọi thị trường đều phải đáp ứng tiêu chuẩn RoHS tới ngày 1 tháng 1 năm 2018. Thêm các yêu cầu về giấy chứng nhận nguyên vật liệu thô.	Colin Thirlaway
6	Ngày 31 tháng 1 năm 2008	Thêm các yêu cầu về bao bì và phụ tùng. Thêm chính sách miễn áp dụng.	Colin Thirlaway
7	Ngày 1 tháng 5 năm 2008	Thêm hạn chế đối với Perfluorooctane Sulfonates. Làm rõ các yêu cầu về bao bì và phụ tùng.	Colin Thirlaway
8	Ngày 31 tháng 8 năm 2009	Cập nhật phạm vi áp dụng. Thêm định nghĩa, trách nhiệm của Black & Decker và trách nhiệm của nhà cung cấp. Liệt kê các chất hạn chế trong một bảng thay vì các đoạn văn. Thêm các yêu cầu về thủy ngân và cadmium đối với pin, các yêu cầu về Dimethylfumarate, formaldehyde và danh sách ban đầu về Các hóa chất rất đáng quan ngại REACH. Thêm yêu cầu thông tin bổ sung đối với các nhà cung cấp sản phẩm cung ứng.	Colin Thirlaway
9	Ngày 9 tháng 12 năm 2009	Làm rõ rằng các yêu cầu về chất trong ES100118 được áp dụng <u>toàn cầu</u> .	Colin Thirlaway
10	Ngày 15 tháng 1 năm 2010	Thêm danh sách thứ hai về Các hóa chất rất đáng quan ngại REACH.	Colin Thirlaway
11	Ngày 20 tháng 8 năm 2010	Chỉnh sửa định nghĩa và các yêu cầu báo cáo đối với các chất cần báo cáo. Thêm mục tiềm năng sử dụng cho mọi hóa chất. Thêm 19 hóa chất cần báo cáo mới. Sửa lại giới hạn PAH.	Colin Thirlaway
12	Ngày 15 tháng 12 năm 2011	Thay đổi báo cáo đối với SVHC, thêm Tuyên bố tuân thủ, chia quy trình thẩm tra theo nhóm kinh doanh, thêm 2 PAH.	Colin Thirlaway
13	Tháng 7 năm 2013	Thêm tuyên bố tuân thủ đối với Dự luật 65 California Thêm tham chiếu tới Quy định gỗ châu Âu Thêm tham chiếu tới các yêu cầu khoáng chất xung đột Mỹ	Colin Thirlaway

14	Tháng 10 năm 2014	Chỉnh sửa PAH theo các yêu cầu REACH của châu Âu Chỉnh sửa định dạng cho phù hợp với hệ thống RSDS	Colin Thirlaway
15	Ngày 4 tháng 12 năm 2015	Chỉnh sửa các yêu cầu REACH của châu Âu thể hiện thời gian hết hiệu lực đối với Crom hóa trị 6 (Chromium Trioxide) Chuẩn bị cho việc chỉnh sửa các yêu cầu RoHS châu Âu đối với các chất bổ sung Thêm Di-n-octyl Phthalate (DnOP) (117-84-0)	Colin Thirlaway
16	Tháng 2 năm 2017	Cập nhật tham chiếu luật định. RS-002 tham chiếu túi nhựa BC-005 & BC-006 – tham chiếu các yêu cầu của Brazil SR-0-02 Làm rõ cách diễn đạt	Colin Thirlaway
17	Tháng 1 năm 2018	Bỏ yêu cầu sử dụng 'mẫu báo cáo'. Tất cả các báo cáo phải được thực hiện trên hệ thống Gensuite. Làm rõ các chất bị cấm có nghĩa là không thêm vào một cách có chủ đích và không phải là 0 ppm. Thêm RS-005 và RS-006.	Colin Thirlaway
18	Tháng 3 năm 2019	Cập nhật tham chiếu luật định BC-015b tham chiếu TSCA Title VI đối với gỗ dăm RS-007 thêm Latex là chất cần báo cáo RS-008 thêm Nicken là chất cần báo cáo Phần 7 thêm doanh nghiệp Helicoli tham chiếu việc sử dụng Crom hóa trị 6	Colin Thirlaway